

Số: /QĐ-TDĐTĐN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận kết quả thi và cấp Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản  
khóa ngày 14/12/2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-TDĐTĐN ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch Số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;*

*Căn cứ kết luận và đề nghị của Hội đồng thi sát hạch chuẩn đầu ra tiếng Anh và cấp chứng chỉ Tin học kỳ thi ngày 13 & 14/12/2025.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả thi và cấp Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản cho 73 học viên (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Trung tâm Ngoại ngữ Tin học; các đơn vị liên quan và các học viên có tên ở điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

#### Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Phòng ĐT & BĐCLGD;
- Website trường;
- Lưu VT, TTNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thanh Hải

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN**  
**KHÓA NGÀY 14/12/2025**

(Kèm theo QĐ số:                    /QĐ-TDĐTĐN ngày                    / 2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH TDTT Đà Nẵng)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT		Điểm TH		Xếp loại
					Bảng số	Bảng chữ	Bảng số	Bảng chữ	
1	25CB03-002	Trần Nguyễn Hà Anh	31/01/2004	Hà Tĩnh	5.3	Năm ba	5.5	Năm năm	Đạt
2	25CB03-004	Hoàng Thị Vân Anh	04/02/2004	Hà Tĩnh	5.5	Năm năm	5.0	Năm không	Đạt
3	25CB03-005	Lê Thị Quỳnh Anh	05/05/1993	Quảng Nam	9.5	Chín năm	8.5	Tám năm	Đạt
4	25CB03-006	Nguyễn Quốc Bảo	10/09/2004	Thừa Thiên Huế	6	Sáu không	8.0	Tám không	Đạt
5	25CB03-007	Hoàng Văn Chung	25/08/2003	Gia Lai	6.8	Sáu tám	8.3	Tám ba	Đạt
6	25CB03-008	Thái Văn Cử	05/01/2003	Quảng Trị	6.8	Sáu tám	5.8	Năm tám	Đạt
7	25CB03-009	Phan Việt Cường	11/02/2004	Hà Tĩnh	6.3	Sáu ba	9.5	Chín năm	Đạt
8	25CB03-011	Bùi Vũ Thục Đoàn	20/02/2004	Quảng Ngãi	6.8	Sáu tám	10.0	Mười	Đạt
9	25CB03-013	Đặng Văn Dũng	26/07/2004	Thừa Thiên Huế	5.8	Năm tám	9.5	Chín năm	Đạt
10	25CB03-014	Lê Hoàng Dũng	29/03/2003	Gia Lai	5.3	Năm ba	8.3	Tám ba	Đạt
11	25CB03-015	Hồ Hữu Dương	26/07/2004	Gia Lai	6.8	Sáu tám	9.5	Chín năm	Đạt
12	25CB03-016	Trần Văn Duy	25/09/2004	Gia Lai	7	Bảy không	8.5	Tám năm	Đạt
13	25CB03-017	Huỳnh Công Duy	08/01/2004	Quảng Nam	5.3	Năm ba	7.5	Bảy năm	Đạt
14	25CB03-018	Trần Hồ Hữu Duy	09/08/2004	Đà Nẵng	8.0	Tám không	8.5	Tám năm	Đạt
15	25CB03-019	Phan Văn Ngọc Hải	21/08/2004	Thừa Thiên Huế	5.0	Năm không	6.5	Sáu năm	Đạt
16	25CB03-020	Nguyễn Thị Hưng Hải	10/06/1975	Hưng Yên	5.0	Năm không	5.8	Năm tám	Đạt

17	25CB03-021	Trương Thị	<b>Hạnh</b>	02/07/1990	Quảng Nam	<b>6.3</b>	<i>Sáu ba</i>	<b>5.8</b>	<i>Năm tám</i>	<b>Đạt</b>
18	25CB03-022	Võ Văn	<b>Hiếu</b>	20/10/2004	Quảng Trị	<b>6.0</b>	<i>Sáu không</i>	<b>5.8</b>	<i>Năm tám</i>	<b>Đạt</b>
19	25CB03-023	Nguyễn Lê Đức	<b>Hiếu</b>	17/04/2004	Hải Phòng	<b>8.5</b>	<i>Tám năm</i>	<b>9.8</b>	<i>Chín tám</i>	<b>Đạt</b>
20	25CB03-024	Hồ Văn	<b>Hình</b>	21/04/1995	Quảng Nam	<b>6.8</b>	<i>Sáu tám</i>	<b>5.3</b>	<i>Năm ba</i>	<b>Đạt</b>
21	25CB03-025	Lê Nhật	<b>Hoàng</b>	04/05/2004	Quảng Trị	<b>5.3</b>	<i>Năm ba</i>	<b>5.0</b>	<i>Năm không</i>	<b>Đạt</b>
22	25CB03-027	Lê Ngọc	<b>Hoàng</b>	01/01/2004	Thừa Thiên Huế	<b>6</b>	<i>Sáu không</i>	<b>6.0</b>	<i>Sáu không</i>	<b>Đạt</b>
23	25CB03-028	Trịnh Thị	<b>Hợp</b>	08/06/1985	Nghệ An	<b>6.5</b>	<i>Sáu năm</i>	<b>6.5</b>	<i>Sáu năm</i>	<b>Đạt</b>
24	25CB03-029	Hồ Minh	<b>Hùng</b>	15/10/1984	Hà Tĩnh	<b>5.8</b>	<i>Năm tám</i>	<b>6.5</b>	<i>Sáu năm</i>	<b>Đạt</b>
25	25CB03-030	Hồ Thăng	<b>Hưng</b>	29/06/2004	Đà Nẵng	<b>5.5</b>	<i>Năm năm</i>	<b>5.0</b>	<i>Năm không</i>	<b>Đạt</b>
26	25CB03-031	Nguyễn Tấn	<b>Hưng</b>	08/03/2004	Đắk Lắk	<b>6</b>	<i>Sáu không</i>	<b>6.3</b>	<i>Sáu ba</i>	<b>Đạt</b>
27	25CB03-033	Nguyễn Vũ Minh	<b>Huy</b>	13/06/2004	Đà Nẵng	<b>5.3</b>	<i>Năm ba</i>	<b>5.3</b>	<i>Năm ba</i>	<b>Đạt</b>
28	25CB03-034	Nguyễn Xuân	<b>Huy</b>	31/01/2004	Quảng Trị	<b>5.0</b>	<i>Năm không</i>	<b>6.8</b>	<i>Sáu tám</i>	<b>Đạt</b>
29	25CB03-036	Lý Huỳnh Minh	<b>Huy</b>	17/10/2002	Đà Nẵng	<b>5</b>	<i>Năm không</i>	<b>6.5</b>	<i>Sáu năm</i>	<b>Đạt</b>
30	25CB03-037	Phan Nguyễn Gia	<b>Huy</b>	24/06/2002	Gia Lai	<b>6.0</b>	<i>Sáu không</i>	<b>5.5</b>	<i>Năm năm</i>	<b>Đạt</b>
31	25CB03-038	Phan Văn	<b>Kiệm</b>	08/01/2004	Quảng Trị	<b>5.3</b>	<i>Năm ba</i>	<b>7.3</b>	<i>Bảy ba</i>	<b>Đạt</b>
32	25CB03-039	Hoàng Trọng	<b>Kiên</b>	06/06/2004	Quảng Trị	<b>5.0</b>	<i>Năm không</i>	<b>5.3</b>	<i>Năm ba</i>	<b>Đạt</b>
33	25CB03-040	Lê Anh	<b>Liên</b>	07/12/1994	Quảng Nam	<b>8.3</b>	<i>Tám ba</i>	<b>7.5</b>	<i>Bảy năm</i>	<b>Đạt</b>
34	25CB03-041	Nguyễn Hoàng	<b>Linh</b>	02/01/2004	Nghệ An	<b>7.8</b>	<i>Bảy tám</i>	<b>8.3</b>	<i>Tám ba</i>	<b>Đạt</b>
35	25CB03-042	Phạm Thị Ngọc	<b>Linh</b>	10/03/2004	Quảng Ngãi	<b>5.5</b>	<i>Năm năm</i>	<b>6.3</b>	<i>Sáu ba</i>	<b>Đạt</b>
36	25CB03-043	Nguyễn Phi	<b>Long</b>	13/09/2003	Đà Nẵng	<b>7.3</b>	<i>Bảy ba</i>	<b>9.8</b>	<i>Chín tám</i>	<b>Đạt</b>

37	25CB03-044	Chế Công	<b>Minh</b>	06/03/2004	Thừa Thiên Huế	<b>5.8</b>	<i>Năm tám</i>	<b>6.0</b>	<i>Sáu không</i>	<b>Đạt</b>
38	25CB03-046	Nguyễn Thị Yên	<b>Minh</b>	02/02/1992	Đà Nẵng	<b>6.0</b>	<i>Sáu không</i>	<b>6.3</b>	<i>Sáu ba</i>	<b>Đạt</b>
39	25CB03-047	Huỳnh Thị Thanh	<b>Ngân</b>	19/05/2004	Đà Nẵng	<b>5.5</b>	<i>Năm năm</i>	<b>9.5</b>	<i>Chín năm</i>	<b>Đạt</b>
40	25CB03-048	Trần Duy	<b>Nghĩa</b>	10/10/2004	Đà Nẵng	<b>5.0</b>	<i>Năm không</i>	<b>7.8</b>	<i>Bảy tám</i>	<b>Đạt</b>
41	25CB03-049	Huỳnh Thanh	<b>Nguyên</b>	12/06/2004	Đắk Nông	<b>6.3</b>	<i>Sáu ba</i>	<b>6.8</b>	<i>Sáu tám</i>	<b>Đạt</b>
42	25CB03-050	Nguyễn Đình	<b>Nguyên</b>	11/11/2004	Nghệ An	<b>6.3</b>	<i>Sáu ba</i>	<b>5.3</b>	<i>Năm ba</i>	<b>Đạt</b>
43	25CB03-051	Bùi Thị Yên	<b>Nhi</b>	09/10/2003	Quảng Ngãi	<b>5.3</b>	<i>Năm ba</i>	<b>5.0</b>	<i>Năm không</i>	<b>Đạt</b>
44	25CB03-052	Lê Văn	<b>Noa</b>	02/03/2004	Thừa Thiên Huế	<b>6.0</b>	<i>Sáu không</i>	<b>8.5</b>	<i>Tám năm</i>	<b>Đạt</b>
45	25CB03-054	Hồ Quang	<b>Phát</b>	26/10/2004	Quảng Ngãi	<b>6.8</b>	<i>Sáu tám</i>	<b>5.0</b>	<i>Năm không</i>	<b>Đạt</b>
46	25CB03-055	Triệu Đoàn An	<b>Phú</b>	30/09/2004	Quảng Ngãi	<b>6.3</b>	<i>Sáu ba</i>	<b>6.3</b>	<i>Sáu ba</i>	<b>Đạt</b>
47	25CB03-058	Hoàng Trung	<b>Quốc</b>	15/09/2004	Gia Lai	<b>5.3</b>	<i>Năm ba</i>	<b>5.0</b>	<i>Năm không</i>	<b>Đạt</b>
48	25CB03-059	Lê Hồng	<b>Quốc</b>	15/03/1981	Quảng Trị	<b>6.8</b>	<i>Sáu tám</i>	<b>7.8</b>	<i>Bảy tám</i>	<b>Đạt</b>
49	25CB03-060	Huỳnh Gia Hạnh	<b>Quyên</b>	28/09/2003	Quảng Ngãi	<b>5.8</b>	<i>Năm tám</i>	<b>8.3</b>	<i>Tám ba</i>	<b>Đạt</b>
50	25CB03-061	Vũ Trường	<b>Sơn</b>	03/02/2004	Quảng Nam	<b>5.5</b>	<i>Năm năm</i>	<b>7.5</b>	<i>Bảy năm</i>	<b>Đạt</b>
51	25CB03-062	Đặng Hữu	<b>Tài</b>	22/10/2004	Quảng Nam	<b>7.5</b>	<i>Bảy năm</i>	<b>7.0</b>	<i>Bảy không</i>	<b>Đạt</b>
52	25CB03-063	Nguyễn Ngọc	<b>Thắng</b>	13/07/2004	Quảng Nam	<b>8.0</b>	<i>Tám không</i>	<b>9.5</b>	<i>Chín năm</i>	<b>Đạt</b>
53	25CB03-064	Nguyễn Văn	<b>Thành</b>	15/01/2004	Đắk Lắk	<b>7.0</b>	<i>Bảy không</i>	<b>7.5</b>	<i>Bảy năm</i>	<b>Đạt</b>
54	25CB03-065	Nguyễn Duy	<b>Thành</b>	01/09/1979	Thanh Hóa	<b>7.3</b>	<i>Bảy ba</i>	<b>7.0</b>	<i>Bảy không</i>	<b>Đạt</b>
55	25CB03-066	Phạm Minh	<b>Thiện</b>	13/04/2004	Phú Yên	<b>8.0</b>	<i>Tám không</i>	<b>7.5</b>	<i>Bảy năm</i>	<b>Đạt</b>
56	25CB03-067	Trần Quốc	<b>Thiện</b>	16/09/2004	Gia Lai	<b>6.0</b>	<i>Sáu không</i>	<b>5.0</b>	<i>Năm không</i>	<b>Đạt</b>

57	25CB03-068	Nguyễn Thị	<b>Thịnh</b>	05/05/2004	Gia Lai	<b>7.5</b>	<i>Bảy năm</i>	<b>8.0</b>	<i>Tám không</i>	<b>Đạt</b>
58	25CB03-069	Ngô Đình	<b>Thịnh</b>	07/12/2004	Bình Định	<b>8.0</b>	<i>Tám không</i>	<b>7.0</b>	<i>Bảy không</i>	<b>Đạt</b>
59	25CB03-070	Võ Minh	<b>Thuận</b>	01/01/2004	Đà Nẵng	<b>7.0</b>	<i>Bảy không</i>	<b>6.5</b>	<i>Sáu năm</i>	<b>Đạt</b>
60	25CB03-071	Nguyễn Đình	<b>Tiến</b>	02/01/2004	Đà Nẵng	<b>5.8</b>	<i>Năm tám</i>	<b>6.3</b>	<i>Sáu ba</i>	<b>Đạt</b>
61	25CB03-072	Nguyễn Công	<b>Tiền</b>	14/01/2003	Quảng Nam	<b>6.5</b>	<i>Sáu năm</i>	<b>5.5</b>	<i>Năm năm</i>	<b>Đạt</b>
62	25CB03-073	Bùi Thị Thu	<b>Trang</b>	02/05/2004	Quảng Nam	<b>7.3</b>	<i>Bảy ba</i>	<b>6.5</b>	<i>Sáu năm</i>	<b>Đạt</b>
63	25CB03-074	Đặng Thị Huyền	<b>Trang</b>	18/04/2000	Quảng Nam	<b>9.8</b>	<i>Chín tám</i>	<b>9.5</b>	<i>Chín năm</i>	<b>Đạt</b>
64	25CB03-075	Trần Văn	<b>Triều</b>	01/11/1996	Quảng Ngãi	<b>7.5</b>	<i>Bảy năm</i>	<b>6.8</b>	<i>Sáu tám</i>	<b>Đạt</b>
65	25CB03-076	Nguyễn Xuân	<b>Triều</b>	05/06/2004	Quảng Ngãi	<b>6.3</b>	<i>Sáu ba</i>	<b>5.8</b>	<i>Năm tám</i>	<b>Đạt</b>
66	25CB03-077	Nguyễn Phi	<b>Tuấn</b>	22/04/1991	Quảng Nam	<b>8.0</b>	<i>Tám không</i>	<b>9.0</b>	<i>Chín không</i>	<b>Đạt</b>
67	25CB03-078	Trần Xuân	<b>Tuấn</b>	09/05/1980	Thanh Hóa	<b>6.8</b>	<i>Sáu tám</i>	<b>8.0</b>	<i>Tám không</i>	<b>Đạt</b>
68	25CB03-079	Nguyễn Quang	<b>Tường</b>	05/02/2004	Trà Vinh	<b>7.3</b>	<i>Bảy ba</i>	<b>9.0</b>	<i>Chín không</i>	<b>Đạt</b>
69	25CB03-080	Lý Văn	<b>Tuyên</b>	22/10/2003	Lạng Sơn	<b>6.0</b>	<i>Sáu không</i>	<b>6.5</b>	<i>Sáu năm</i>	<b>Đạt</b>
70	25CB03-081	Hoàng Thanh	<b>Tuyên</b>	13/07/2004	Quảng Nam	<b>5.8</b>	<i>Năm tám</i>	<b>7.0</b>	<i>Bảy không</i>	<b>Đạt</b>
71	25CB03-083	Lê Minh	<b>Vi</b>	08/06/1983	Bình Định	<b>8.5</b>	<i>Tám năm</i>	<b>9.0</b>	<i>Chín không</i>	<b>Đạt</b>
72	25CB03-084	Phạm Thị Như	<b>Ý</b>	11/02/2003	Quảng Trị	<b>8.8</b>	<i>Tám tám</i>	<b>9.5</b>	<i>Chín năm</i>	<b>Đạt</b>
73	25CB03-085	Puih Adăm	<b>Yiêk</b>	28/01/2004	Gia Lai	<b>6.0</b>	<i>Sáu không</i>	<b>5.0</b>	<i>Năm không</i>	<b>Đạt</b>